TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 648/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2019
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hương.

- Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;

2. Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 406/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Số 221 Nguyễn Thị Rành, tổ 6, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị Thu C, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 241, tổ 2, ấp B, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn xin ly hôn ngày 23/10/2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày sự việc như sau:

Ông (Nguyễn Văn T) và bà Trịnh Thị Thu C sống chung như vợ chồng từ năm 1991 nhưng từ đó cho đến nay, hai bên không có đăng ký kết hôn.

Năm 2013 ông bị tai nạn giao thông và từ đó vợ ông bỏ nhà ra đi cho đến nay.

Hiện vợ chồng ông không còn quan tâm, chăm sóc, thương yêu nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông xin được ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có 03 con chung, tên là: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 08/12/1993; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/12/1996; Trịnh Thị Thu T1, sinh ngày 31/01/2000. Các con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh nên ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

- Tại bản tự khai ngày 29/5/2019, bị đơn bà Trịnh Thị Thu C trình bày:

Bà đồng ý ly hôn với ông T.

Vợ chồng bà có 03 con chung đều trên 18 tuổi.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ kiện: "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, không có mặt bị đơn bà Trịnh Thị Thu C nhưng bà C có đơn xin xét xử vắng mặt bà nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trịnh Thị Thu C, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

Tại phiên tòa, bà C không có mặt nhưng tại bản tự khai ngày 29/5/2019, bà C cũng đồng ý ly hôn với ông T.

Xét thấy, ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị Thu C sống chung như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Khi có yêu cầu ly hôn thì căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận họ là vợ chồng. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà C.

- *Về con chung*:

Ông T và bà C có 03 con chung, tên là: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 08/12/1993; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/12/1996; Trịnh Thị Thu T1, sinh ngày 31/01/2000. Cả 03 con chung của ông T và bà C đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Tài sản chung*:

Đương sự khai về tài sản chung do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về nghĩa vụ dân sự chung*:

Đương sự khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Ông T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 9, Điều 14, khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 53; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Áp dụng các Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn T và bà Trịnh Thị Thu C.

- Về con chung:

Ông T và bà C có 03 con chung đều đã thành niên, tên là: Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 08/12/1993; Nguyễn Tấn P, sinh ngày 23/12/1996; Trịnh Thị Thu T1, sinh ngày 31/01/2000.

- Về tài sản chung:

Do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ dân sự chung:

Đương sự khai không có nghĩa vụ dân sự chung.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc ông T phải nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0015882 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (bà Trịnh Thị Thu C) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠTHẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thanh Hương